

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 529/2022/HC-PT
Ngày 04 tháng 11 năm 2022
*V/v Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng;

Các Thẩm phán: Ông Vũ Minh Tuấn;

Ông Đặng Văn Hưng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hoài, Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Bùi Ngọc Tân, Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 199/2022/TLPT-HC ngày 26 tháng 5 năm 2022 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”, do có kháng cáo đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2022/HC-ST, ngày 12 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10004/2022/QĐ-PT ngày 21 tháng 10 năm 2022, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Lương Ngọc T, sinh năm 1951; địa chỉ: Số I, ngõ D, đường T, phường C, quận B, thành phố Hà Nội; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Ông Nguyễn Hồng H, Luật sư Công ty TNHH L2 thuộc Đoàn Luật sư thành phố H; có mặt.

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; địa chỉ: Số A, đường N, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Văn T1, chức vụ: Phó Chủ tịch; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Đỗ Thị Thanh H1, sinh năm 1957; địa chỉ: Số I, ngõ D, đường T, phường C, quận B, thành phố Hà Nội; có mặt.

2. Bà Nông Thị V (tức Nông Thị C), sinh năm 1930; địa chỉ: Tổ G, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng A, sinh năm 1962; địa chỉ: Tổ G, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; vắng mặt.

3. Bà Nông Thị L, sinh năm 1938; địa chỉ: Số nhà A, tổ C, phường C, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

4. Ông Hoàng Trọng B, sinh năm 1948; vắng mặt.

5. Bà Bùi Thị T2, sinh năm 1953; vắng mặt.

Cùng ở địa chỉ: Tổ H, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

6. Ông Nguyễn Thành A1, sinh năm 1957; địa chỉ: Tổ A, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; vắng mặt.

- **Người kháng cáo:** Người khởi kiện, ông Lương Ngọc T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trình bày của các đương sự, các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ và bản án sơ thẩm, vụ án có nội dung tóm tắt như sau:

Người khởi kiện trình bày:

Năm 2007, ông Lương Ngọc T và vợ là Đỗ Thị Thanh H1 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ), diện tích 1.441m² tại thửa đất số 97, tờ bản đồ số 36, có địa chỉ tại phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên theo đúng quy định của pháp luật tại thời điểm cấp. Ông đã thực hiện đầy đủ các bước theo quy định từ việc kê khai nguồn gốc sử dụng đất được xác nhận bởi chính quyền địa phương, xác nhận mốc giới với hộ liền kề có đầy đủ chữ ký của các chủ sử dụng đất liền kề, có niêm yết tại trụ sở UBND phường T đúng thời gian quy định không có bất kỳ ai có ý kiến tranh chấp gì.

Trong quá trình sử dụng đất từ năm 1991 đến nay ông không có bất kỳ tranh chấp với ai và các hộ liền kề diện tích đất của tôi nói trên.

Cách đây khoảng 02 năm có một số đối tượng đến sê đất san đồi với mục đích là phân lô bán nền, lấn chiếm vào diện tích đất ông đang quản lý sử dụng, ông đã yêu cầu họ dừng lại. Sau đó ông liên tục nhận được giấy mời đến UBND phường T để giải quyết tranh chấp đất đai mặc dù ông không tranh chấp với ai, tại đây ông và Luật sư bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho ông đã thông báo rõ ràng với tất cả các bên liên quan rằng việc này không thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND phường mà phải là Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên theo quy định của pháp luật. Sau buổi làm việc đó, có một người bán tin cho ông là cấp được GCNQSDĐ cho tôi thì cũng thu hồi được.

Cuối tháng 12/2018 có xuất hiện một quyết định thu hồi GCNQSDĐ của ông phô tô đen trắng tại một số cửa hàng rửa xe, cắt tóc, trà đá. Khi phát hiện ra thông tin này ông và Luật sư đã có đơn yêu cầu UBND thành phố T làm rõ vào ngày 01/01/2019 nhưng từ đó đến nay không nhận được bất kỳ một sự phản hồi nào từ phía UBND thành phố T.

Ngày 30/5/2019 ông được người em thông báo có cán bộ UBND phường T

đến giao cho hai văn bản có nội dung như sau:

1. Thông báo số 322/TB-UBND, ngày 29/8/2018 về việc thu hồi GCNQSDĐ của ông Lương Ngọc T và bà Đỗ Thị Thanh H1.

2. Quyết định số 14774/QĐ-UBND, ngày 26/12/2018 với nội dung thu hồi GCNQSDĐ của ông Lương Ngọc T và bà Đỗ Thị Thanh H1.

Do đó, ngày 03/6/2019 ông làm đơn khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 14774/QĐ-UBND ngày 26/12/2018 của UBND thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

- *Người bị kiện, Ủy ban nhân dân thành phố T trình bày:*

1. Về hồ sơ của ông Lương Ngọc T.

- Đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lương Ngọc T và bà Đỗ Thị Thanh H1 tại tờ bản đồ số 36, thửa đất số 97, diện tích 1441m² đất trồng cây lâu năm (CLN) và thửa đất số 98 có tổng diện tích 1034,3m² trong đó có 150m² đất ở đô thị (ODT) và 884,3m² đất trồng cây lâu năm (CLN) có nguồn gốc kê khai do gia đình khai phá năm 1975 được UBND phường T xác nhận ngày 12/02/2007.

- Đơn tường trình nguồn gốc sử dụng đất của ông Lương Ngọc T ngày 07/6/2006 đối với thửa đất số 97, 98 tờ bản đồ số 36 do gia đình ông khai hoang năm 1975 được UBND phường T xác nhận ngày 12/02/2007.

- Biên bản kiểm tra hiện trạng sử dụng đất của hộ gia đình và cá nhân phường T ngày 20/7/2006.

Ngày 13/4/2007 hộ ông Lương Ngọc T và Đỗ Thị Thanh H1 đã được UBND thành phố T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 592658 tại thửa đất số 97 tờ bản đồ số 36 diện tích 1441m².

2. Kết quả kiểm tra xác minh.

Ngày 30/6/2017, UBND phường T có Báo cáo số 346/BC-UBND về việc giải quyết đơn đề nghị của bà Nông Thị C, trú tại tổ A, phường T, thành phố T khẳng định: Năm 1970 gia đình bà Nông Thị C khai hoang mảnh đất để tăng gia sản xuất trồng Ngô, K, S. Đến năm 1972 bà Nông Thị C có cho em gái là bà Nông Thị L một phần để sử dụng làm nhà và một phần để canh tác trồng Sắn tại khu vực mà bà C đã khai phá sử dụng, còn một phần bà C vẫn sử dụng ổn định. Trên thửa đất số 97 bản đồ số 36 trồng Keo, Bạch Đ (trong đó có một số đã thu hoạch khai thác gỗ năm 2015 còn lại phần gốc và một số đã được tiếp tục trồng mới). Toàn bộ số cây trên do gia đình bà Nông Thị C trồng và quản lý sử dụng, xung quanh thửa đất có ranh giới được tạo bởi lối mòn ngăn cách giữa thửa đất thổ cư số 98 tờ bản đồ số 36 và phần đất trồng Keo, Bạch Đ của ông T tại thửa số 93, tờ bản đồ số 36 (chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

Xác minh nguồn gốc sử dụng đất của gia đình ông Lương Ngọc T là do nhận chuyển nhượng từ gia đình bà Nông Thị L (tại thửa đất số 98, tờ bản đồ số 36 đã được cấp GCNQSDĐ và thửa đất số 93, tờ bản đồ số 36 chưa được cấp GCNQSDĐ (không phải do gia đình ông Lương Ngọc T khai phá như đã kê khai).

Đối với thửa đất số 97, tờ bản đồ số 36, diện tích 1.441m² do gia đình bà Nông Thị C sử dụng ổn định từ năm 1970 đến nay, giữa gia đình ông T và gia đình bà C không có sự thỏa thuận gì khác về việc thuê, mượn hay chuyển nhượng đối với thửa đất này.

Từ những nội dung xác minh trên, ngày 29/8/2018 UBND thành phố T có Thông báo số 322/TB-UBND về việc GCNQSDĐ số AĐ 592658 cấp ngày 13/4/2007 mang tên ông Lương Ngọc T và bà Đỗ Thị Thanh H1 cấp không đúng quy định tại điểm d khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013 với lý do cấp không đúng đối tượng, không đúng nguồn gốc sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai.

Ngày 26/12/2018, UBND thành phố T có Quyết định số 14774/QĐ-UBND về việc thu hồi GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà và các tài sản khác gắn liền với đất số AĐ 592658 cấp ngày 13/4/2007 mang tên ông Lương Ngọc T và bà Đỗ Thị Thanh H1 sử dụng tại phường T, thành phố T.

3. Quan điểm giải quyết.

Không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Lương Ngọc T, giữ nguyên Quyết định số 14774/QĐ-UBND ngày 26/12/2018.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, bà Nông Thị V (tức Nông Thị C) trình bày:*

Về nguồn gốc đất là đất là do gia đình khai hoang từ năm 1970; năm 1973 bà cho em gái là bà Nông Thị L một phần để làm nhà ở, phần đất còn lại bà vẫn giữ để tăng gia sản xuất trồng cây lương thực. Năm 1984, em bà có bán lại phần đất của mình cho ông Lương Ngọc T, phần đất của bà thì bà vẫn sử dụng cho đến bây giờ.

Năm 2017, gia đình bà tiến hành làm thủ tục xin cấp GCNQSDĐ thì phát hiện ông T lấn chiếm và làm GCNQSDĐ trên phần đất của bà nên bà trình báo UBND phường T giải quyết.

UBND phường T đã tiến hành hòa giải nhưng ông T không hợp tác; UBND phường đã chuyển hồ sơ lên UBND thành phố T và Phòng TNMT giải quyết và UBND thành phố đã hủy GCNQSDĐ của ông T và bà làm đơn xin cấp GCNQSDĐ đứng tên bà. Đề nghị Tòa án không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Lương Ngọc T.

- Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, bà Đỗ Thị Thanh H1, bà Nông Thị L, ông Hoàng Trọng B, bà Bùi Thị T2, ông Nguyễn Thành A1: Không có ý kiến gửi Tòa án.

- *Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2022/HC-ST ngày 12/4/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã quyết định:*

Áp dụng các Điều 30; 32; 115; 116; điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; điểm d khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013; khoản 4 Điều 87 Nghị định số 43/2014/ND-CP ngày 15/5/2014; khoản 56 Điều 2 Nghị

định số 01/2017/NĐ-CP của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Lương Ngọc T yêu cầu hủy Quyết định số 14774/QĐ-UBND ngày 26/12/2018 của UBND thành phố T về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và các tài sản khác gắn liền với đất số AD 592658 cấp ngày 13/4/2007 mang tên ông Lương Ngọc T và bà Đỗ Thị Thanh H1 sử dụng tại phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 13/4/2022, người khởi kiện ông Lương Ngọc T làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện, hủy Quyết định số 14774/QĐ-UBND ngày 26/12/2018 của UBND thành phố T.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người khởi kiện ông Lương Ngọc T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo và trình bày: Năm 1965 ông đi bộ đội đóng quân tại thửa đất của ông đã được cấp GCNQSD đất, sau khi ra quân ông đến ở tại khu vực Trường Đại học Y, cách nơi đã đóng quân khoảng 3 – 5km. Khoảng năm 1981 – 1982 ông mua một căn nhà nhỏ của bà L để ở nên cũng thời gian này ông khai hoang thửa đất số 97 này, khi khai hoang ông trồng cây Keo nhưng sau đó chuyển sang trồng Nhãn, X, B1; từ khi khai hoang đến nay ông vẫn quản lý, sử dụng nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo.

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện trình bày: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm không thẩm định tại diện tích đất mà chỉ căn cứ vào các tài liệu hồ sơ để giải quyết nên chưa xác định đúng diện tích đất; đất của ông T mua của bà L là gần đất của bà C, cách nhau lồi mòn đi lại. Thửa đất số 97 là đất do ông T khai hoang, sử dụng trồng cây ổn định, được các hộ sử dụng đất liền kề ký giáp ranh, UBND phường T xác nhận vào hồ sơ và năm 2007 được UBND thành phố T cấp GCNQSD đất là hợp pháp. Quyết định số 14774/QĐ-UBND ngày 26/12/2018 của UBND thành phố T cho rằng ông T sử dụng đất không đúng đối tượng, chưa đúng nguồn gốc sử dụng đất là chưa xác định đúng theo quy định tại Điều 50 Luật Đất đai. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T để hủy Quyết định số 14774/QĐ-UBND ngày 26/12/2018 của UBND thành phố T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm:

+ Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính. Đơn kháng cáo của ông Lương Ngọc T làm trong hạn luật định nên đủ điều kiện để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

+ Về nội dung: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ thì bản án sơ thẩm xử bác yêu cầu khởi kiện của ông Lương Ngọc T là có căn cứ pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính tuyên không chấp nhận kháng cáo của ông Lương Ngọc T, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2022/HC-ST ngày 12/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ được thẩm tra công khai tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của ông Lương Ngọc T làm trong thời hạn quy định tại Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính nên được chấp nhận hợp lệ để xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa có mặt người khởi kiện, người bảo vệ quyền và lợi ích của người khởi kiện, bà Đỗ Thị Thanh H1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; vắng mặt những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhưng đã được triệu tập hợp lệ lần 2, một số người có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, một số người vắng mặt không có lý do. Xét thấy, những người này vắng mặt nhưng họ không kháng cáo, sự vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Căn cứ ý kiến của các đương sự có mặt tại phiên tòa và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại Điều 225 Luật Tổ tụng hành chính để tiến hành việc xét xử vụ án.

[1.3] Ngày 07/06/2019, ông Lương Ngọc T khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 14774/QĐ-UBND ngày 26/12/2018 của UBND thành phố T về việc thu hồi GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà và các tài sản khác gắn liền với đất số AĐ 592658 cấp ngày 13/4/2007 mang tên ông Lương Ngọc T và bà Đỗ Thị Thanh H1 sử dụng tại phường T, thành phố T. Bản án sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện vụ án hành chính, thời hiệu khởi kiện vẫn còn và xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên là đúng theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 3, Điều 30; khoản 3, 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính và đã xác định đủ những người tham gia tố tụng trong vụ án.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của ông Lương Ngọc T yêu cầu hủy Quyết định số 14774/QĐ-UBND ngày 26/12/2018 của UBND thành phố T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành quyết định:

Ngày 30/6/2017, UBND phường T có Báo cáo số 346/BC-UBND về việc giải quyết đơn đề nghị của bà Nông Thị V (Nông Thị C), trú tại tổ A phường T, thành phố T. Ngày 19/7/2018, Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T có

Tờ trình số 1220/TTr-TNMT về việc thu hồi GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất. Ngày 29/8/2018, UBND thành phố T có Thông báo số 322/TB-UBND về việc GCNQSDĐ số AĐ 592658 cấp ngày 13/4/2007 mang tên ông Lương Ngọc T và bà Đỗ Thị Thanh H1 cấp không đúng quy định tại điểm d khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013 với lý do cấp không đúng đối tượng, không đúng nguồn gốc sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai.

Ngày 26/12/2018, UBND thành phố T ban hành Quyết định số 14774 về việc thu hồi GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà và các tài sản khác gắn liền với đất số AĐ 592658 cấp ngày 13/4/2007 mang tên ông Lương Ngọc T và bà Đỗ Thị Thanh H1 sử dụng tại phường T, thành phố T là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định tại điểm d, khoản 2, Điều 106 Luật Đất đai năm 2013; khoản 4, Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014, khoản 56, Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

[2.2] Về nội dung quyết định.

Căn cứ các tài liệu có tại hồ sơ xác định được: Năm 1970, gia đình bà Nông Thị V (Nông Thị C) khai hoang một thửa đất để tăng gia sản xuất trồng Ngô, K, S. Năm 1972, bà Nông Thị C cho em gái là bà Nông Thị L một phần đất đã khai hoang để sử dụng làm nhà và một phần để canh tác trồng sắn; phần đất còn lại bà C vẫn sử dụng ổn định, trồng cây cho đến nay. Phần đất của bà Nông Thị L được bà C cho đã bán lại cho ông Lương Ngọc T là thửa đất thổ cư số 98, tờ bản đồ số 36. Phần diện tích đất còn lại của bà Nông Thị V (Nông Thị C) là thửa đất số 97, bản đồ số 36; trên đất đã trồng K1, Bạch Đ (trong đó có một số đã thu hoạch khai thác gỗ năm 2015, còn lại phần gốc và một số đã được tiếp tục trồng mới); xung quanh thửa đất có ranh giới được tạo bởi lối mòn ngăn cách với thửa đất ông Lương Ngọc T mua của bà Nông Thị L1 là thửa đất thổ cư số 98, tờ bản đồ số 36 (đã được cấp GCNQSDĐ) và phần đất trồng Keo, Bạch Đàn của ông T tại thửa số 93, tờ bản đồ số 36 (chưa được cấp GCNQSDĐ).

Ông Lương Ngọc T trình bày nguồn gốc đất thửa số 97, tờ bản đồ số 36 do ông khai phá từ năm 1981 – 1982 và một phần ông nhận chuyển nhượng của bà Nông Thị L là không phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và ông cũng không cung cấp được tài liệu thể hiện bà Nông Thị V (Nông Thị C) đã bán thửa đất nêu trên cho ông nên thửa đất số 97, tờ bản đồ số 36, diện tích 1.441m² tại phường T, thành phố T là tài sản thuộc quyền sử dụng của gia đình bà Nông Thị V (Nông Thị C). Do đó, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 592658 do UBND thành phố T cấp ngày 13/4/2007 mang tên ông Lương Ngọc T và bà Đỗ Thị Thanh H1 là cấp không đúng đối tượng, không đúng nguồn gốc sử dụng đất theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013.

[2.3] Như vậy, Quyết định số 14774/QĐ-UBND ngày 26/12/2018 của UBND thành phố T về việc thu hồi GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà và các tài sản khác gắn liền với đất số AĐ 592658 cấp ngày 13/4/2007 mang tên ông Lương Ngọc T và bà

Đỗ Thị Thanh H1 sử dụng tại phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên đã được ban hành là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền; lý do ban hành quyết định là có căn cứ theo quy định tại: điểm d khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013, khoản 4 Điều 87 Nghị định số 43/2014/ND-CP ngày 15/5/2014, khoản 56 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP của Chính phủ, Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ T3. Bản án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông Lương Ngọc T là có căn cứ pháp luật.

[3] Với các nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Lương Ngọc T; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

[4] Về án phí: Kháng cáo không được chấp nhận nhưng ông Lương Ngọc T là người cao tuổi nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Bác kháng cáo của ông Lương Ngọc T, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2022/HC-ST ngày 12 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

2. Về án phí: Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông Lương Ngọc T.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Cục THADS tỉnh Thái Nguyên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tiến Dũng